

Bản án số: 142/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/09/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Ngô Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXX-ST ngày 04/07/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/08/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh ngày 08/02/1991 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024191018xxx

Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

Chị N ủy quyền cho chị Phạm Thị T, sinh năm 1987; Nơi cư trú: tổ dân phố số A, phường V, tỉnh Bắc Ninh giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Vũ Trí Q, sinh ngày 04/08/1987 (vắng mặt)

Chứng minh nhân dân: 121484xxx

Nơi cư trú và địa chỉ cư trú cuối cùng tại Việt Nam: thôn T, xã C, tỉnh Bắc Ninh. Hiện lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/04/2010 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã C, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn chị về nhà anh Q làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2018 anh Q đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng từ tháng 5/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên không còn liên lạc với nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian thuận vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Trí Q. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã chuyển đến tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh sinh sống từ năm 2023.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là cháu Vũ Trí Nhật M, sinh ngày 19/10/2011 và cháu Vũ Thị Bảo L, sinh ngày 08/08/2016 hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn chị đề nghị giao 02 con chung cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Trí Q là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Tại biên bản lấy lời khai với gia đình anh Q, bà Nguyễn Thị P là mẹ anh Vũ Trí Q cho biết.

Về hôn nhân của anh Q, chị N gia đình cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã C, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn chị N về gia đình làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2018 anh Q đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng từ tháng 5/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Chị N đã chuyển đến tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh sinh sống từ năm 2023.

Về con chung: anh Q, chị N có 02 con chung là cháu Vũ Trí Nhật M, sinh ngày 19/10/2011 và cháu Vũ Thị Bảo L, sinh ngày 08/08/2016 hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị N.

Ngoài ra gia đình cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan anh Q sinh sống cùng gia đình tại thôn T, xã C, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi sang Đài Loan anh Q vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Gia đình đã thông báo cho anh Q biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị N và anh Q thì anh Q cho biết anh đồng ý ly hôn và giao con cho chị N nuôi dưỡng.

Cháu Vũ Trí Nhật M, Vũ Thị Bảo L trình bày: Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng mẹ tại tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn sinh sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa, chị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị N; Biên bản làm việc với bà P là mẹ của anh Q và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N; xử:

Về hôn nhân: chị Phạm Thị N được ly hôn anh Vũ Trí Q.

Về con chung: giao cháu Vũ Trí Nhật M, Vũ Thị Bảo L cho chị Phạm Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị N khởi kiện xin ly hôn anh Q và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 375/QLXNC ngày 05/08/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Bắc Ninh cung cấp, anh Q xuất cảnh gần nhất ngày 22/10/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh Q được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh Q là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bà Nguyễn Thị P (mẹ anh Q) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh Q ở Việt Nam là: thôn T, xã C, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Q thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh Q biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị Phạm Thị N và anh Vũ Trí Q. Gia đình anh Q cho biết anh Q vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh Q không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh Q tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Trí Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/04/2010 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã C, tỉnh Bắc Ninh). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Vũ Trí Q.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị N, anh Q chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2018 anh Q đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa

thuận nhưng từ tháng 5/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên không còn liên lạc với nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Anh Q thông qua gia đình cho biết anh và chị N đã ly thân nhau một thời gian dài nên anh đồng ý ly hôn với chị N. Ngoài ra tại các biên bản làm việc với bà P là mẹ anh Q Tòa án cũng xác định được vợ chồng anh Q, chị N có mâu thuẫn và sống ly thân nhau một thời gian dài. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định anh Q, chị N không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh Q là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: chị N, anh Q có 02 con chung là cháu Vũ Trí Nhật M, sinh ngày 19/10/2011 và cháu Vũ Thị Bảo L, sinh ngày 08/08/2016. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị N. Sau khi ly hôn chị N đề nghị giao con chung cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Anh Q hiện đang lao động tại Đài Loan nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung bằng chị N. Ngoài ra cháu M, Linh trên 07 tuổi đều có nguyện vọng sinh sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Mặt khác, từ khi anh Q đi lao động đến nay các con chung vẫn sinh sống cùng chị N, các con chung phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo sự phát triển của con chung cần giao các con chung cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, anh Vũ Trí Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Vũ Trí Q có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị N phải chịu

300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Q đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Vũ Trí Q.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Trí Nhật M, sinh ngày 19/10/2011 và cháu Vũ Thị Bảo L, sinh ngày 08/08/2016 cho chị Phạm Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Vũ Trí Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005525 ngày 19/06/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Trí Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

NƠI

1

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã C, tỉnh Bắc Ninh;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Thông